

Bản án số: 1168/2018/KDTM-PT

Ngày: 04/12/2018

V/v: T/c Hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Thủy

Các thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Thị Phong

2. Bà Nguyễn Thị Trinh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thúy Ngân** – Thư ký Toà
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Ông **Trần Anh Tuấn**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11 năm 2018 và ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 89/2018/KDTM-PT ngày 27 tháng 9 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 47/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4939/2018/QĐPT-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 9354/2018/QĐ-HPT ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH AFE

Trụ sở: Số 46 Đại lộ TD, KCN V, thị xã TA, tỉnh Bình Dương.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền số 07 ngày 09/7/2018 do đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH AFE lập) gồm:

1. Bà Bach Thi Minh Ng, sinh năm: 1985.

2. Ông Đỗ Hoàng Ph., sinh năm: 1990

3. Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm: 1990.

- Bi đơn: Công ty TNHH TTVN

Trụ sở: số 41/7 đường PNL, Phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thái Bình Q là đại diện theo pháp luật của bị đơn.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH AFE và tại tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày :

Ngày 13/11/2015, Công ty TNHH Apparel Far Easten (sau đây gọi là “Công ty AFE”) đã ký ba Hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm số: 20151113.01/HDPM, số: 20151113.02/HDPM, số: 20151113.03/HDPM với Công ty TNHH TTVN (sau đây gọi tắt là “Công ty TTVN”). Theo hợp đồng thỏa thuận thì bên cung cấp dịch vụ là Công ty TTVN và bên sử dụng dịch vụ là Công ty AFE. Công ty TTVN cung cấp và triển khai phần mềm quản lý nhân sự HRM dưới dạng chương trình thực thi và Công ty AFE sẽ thanh toán chi phí cho Công ty TTVN. Địa điểm thực hiện hợp đồng là tại trụ sở của Công ty AFE. Thời gian thực hiện hợp đồng là 20 tuần chính thức và 06 tuần dự phòng tính từ thời điểm Công ty TTVN nhận được tiền thanh toán đợt 1 của Công ty AFE. Do để phù hợp với thẩm quyền và quy định quản lý nội bộ của Công ty AFE nên các bên đã chia thành ba hợp đồng nhưng thực chất đây là một dự án thống nhất. Chi tiết các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng số 20151113.01/HDPM. Tổng giá trị hợp đồng là 468.493.900 đồng bao gồm hóa đơn tài chính hợp lệ. Công ty TTVN sẽ thực hiện xây dựng, cài đặt, kiểm tra và đào tạo cho Công ty AFE phần mềm hệ thống quản trị, quản lý tuyển dụng, quản lý đồng phục, quản lý hồ sơ nhân viên, quản lý kết quả đào tạo và rà soát dữ liệu. Chi tiết công việc được thỏa thuận tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng.

- Hợp đồng số 20151113.02/HDPM . Tổng giá trị Hợp đồng là 539.900.620 đồng. Giá trị này bao gồm hóa đơn tài chính hợp lệ. Công ty TTVN sẽ thực hiện xây dựng, cài đặt, kiểm tra và đào tạo cho Công ty AFE phần mềm quản lý chấm công, hợp đồng lao động cho nhân viên sau trình thử việc, quản lý lương, quản lý bảo hiểm và thuế TNCN, rà soát dữ liệu. Chi tiết công việc được thỏa thuận tại Phụ lục số 01 của Hợp đồng.

- Hợp đồng số 20151113.03/HDLIC. Tổng giá trị Hợp đồng là 501.785.480 đồng. Giá trị này bao gồm hóa đơn tài chính hợp lệ. Công ty TTVN sẽ thực hiện xây dựng, cài đặt, kiểm tra và đào tạo cho Công ty AFE phần mềm quản lý nhân tài, đội ngũ kế cận, thiết lập ngân sách quỹ lương, cổng thông tin nhân viên, đánh giá nhân viên, quản lý phản hồi của nhân viên, quản lý nhà xe, quản lý công tác. Chi tiết công việc được các bên thỏa thuận tại Phụ lục số 1 của Hợp đồng.

Ngày 27/11/2015, các bên tiếp tục ký kết Bản thỏa thuận số 11122015/FEA-VNR để bổ sung một số nội dung các Hợp đồng nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Công ty AFE đã đáp ứng kịp thời tất cả các yêu cầu cung cấp dữ liệu, quy trình cần thiết cho phía công ty TTVN. Công ty AFE đã thanh toán đợt 1 cho Công ty TTVN tổng số tiền của ba hợp đồng là 453.054.000 đồng. Công ty TTVN đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho công ty AFE. Sau khi nhận

được tiền thanh toán đợt 1 thì Công ty TTVN không thể hoàn thành công việc đúng hạn. Ngày 05/09/2016, các bên cùng nhau ký kết Biên bản số 2016817.01/BBGHTHDDA về việc điều chỉnh thời gian triển khai Dự án. Theo đó, Công ty TTVN cam kết thời gian hoàn thành công việc sẽ là ngày 22/12/2016. Ngày 10/05/2017, do Công ty TTVN vẫn chưa hoàn thành các công việc như đã cam kết nên Công ty AFE đã gửi công văn yêu cầu Công ty TTVN phải hoàn thành toàn bộ công việc vào ngày 31/5/2017. Nhưng tính đến thời điểm hiện tại, Công ty TTVN không thể hoàn thành công việc theo Hợp đồng của mình. Do đó công ty AFE đã từ chối gia hạn thêm thời gian thực hiện Dự án đồng thời đề nghị chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty TTVN trả lại số tiền mà Công ty AFE đã thanh toán cho Công ty TTVN. Toàn bộ dự án có 16 phân hệ lớn. Đến thời điểm ngày 31/05/2017, phía Công ty TTVN chỉ mới hoàn thành và bàn giao bốn phân hệ tuyển dụng và phân hệ dữ liệu nhân viên cho Công ty AFE. Công ty TTVN không hoàn thành toàn bộ phân hệ để bàn giao phần mềm hoàn chỉnh cho Công ty AFE nên Công ty AFE cũng không sử dụng được đối với các phân hệ đã được bàn giao. Việc Công ty TTVN không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình làm cho công ty AFE không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.

Yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu đình chỉ 03 Hợp đồng: số 20151113.01/HDPM; số 20151113.02/HDPM; và số 20151113.03/HDPM ký cùng ngày 13/11/2015 và các phụ lục đính kèm của các hợp đồng trên. Công ty TTVN đã vi phạm Điều 7.1 điểm a,b,c,e và Điều 9.2 của các hợp đồng nên yêu cầu Công ty TTVN phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 453.054.000 đồng mà công ty AFE đã thanh toán đợt 1. Trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Công ty TTVN trình bày: Công ty TTVN và Công ty AFE đã ký kết ba Hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm đúng như phần trình bày của Công ty AFE. Công ty TTVN đã nhận số tiền thanh toán đợt 1 theo hợp đồng là 453.054.000 đồng vào ngày 14/01/2016. Ba hợp đồng này có nội dung các điều khoản giống nhau, ngoài trừ phạm vi chức năng phần mềm và giá tiền dịch vụ. Việc thực hiện ba hợp đồng này thực chất là cùng chung một dự án, các công việc liên quan với nhau. Theo bảng liệt kê tiến độ công việc mà phía Công ty AFE lập và nộp đến Tòa thì thể hiện:

Tổng cộng số lượng yêu cầu: 333 yêu cầu;

- Tổng số lượng AFE hủy yêu cầu: 7;
- Tổng số lượng yêu cầu còn lại: 326;
- Tổng số yêu cầu đã hoàn thành (đã được AFE kiểm tra và chấp nhận): 117, chiếm tỷ lệ 36%;

Tuy nhiên, những yêu cầu chưa hoàn thành có rất nhiều yêu cầu đã được công ty TTVN thực hiện một phần hoặc toàn bộ yêu cầu, nhưng Công ty AFE chưa phối hợp với Công ty TTVN để hoàn thành cũng như chưa kiểm tra chấp nhận, hay chưa xác nhận hoàn thành. Thực tế khối lượng công việc mà Công ty TTVN đã thực hiện lớn hơn so với 36% hoàn thành. Việc công ty TTVN chưa thể hoàn thành công việc theo các hợp đồng nêu trên và trễ tiến độ dự án không phải lỗi hoàn toàn của Công ty

TTVN. Nên yêu cầu hoàn trả số tiền đã thanh toán của công ty AFE là không đúng với hợp đồng, cũng như thực tế của quá trình thực hiện hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty TTVN đồng ý với yêu cầu của Công ty AFE về việc đình chỉ ba Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm mà đôi bên đã ký. Do số tiền mà Công ty AFE thanh toán đột một tương ứng với công việc mà Công ty TTVN đã thực hiện và được Công ty AFE nghiệm thu nên không chấp nhận yêu cầu của Công ty AFE đòi Công ty TTVN trả lại số tiền 453.054.000 đồng

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/KDTM-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, 147, 227, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 292, 297, 306, 310, 311, 319 Luật Thương mại năm 2005;
- Áp dụng Điều 424, 427 Bộ luật dân sự 2005;
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH AFE (Việt Nam) và Công ty TNHH TTVN về việc Đình chỉ thực hiện các hợp đồng đã giao kết giữa hai công ty gồm:

Hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm: số 20151113.01/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.02/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.03/HDPM ngày 13/11/2015 và các phụ lục đính kèm.

2. Buộc Công ty TNHH TTVN phải có trách trả cho Công ty TNHH AFE (Việt Nam) số tiền: 453.054.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng) (theo các hóa đơn: số 0000073 ngày 18/12/2015 của Công ty TNHH TTVN xuất cho Công ty TNHH AFE với nội dung: “*Thanh toán lần 1, 30% theo hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm số: 20151113.01/HDPM ký ngày 13/11/2015*” với số tiền: 140.548.170 đồng; hóa đơn số: 0000074 ngày 18/12/2015 của Công ty TNHH TTVN xuất cho Công ty TNHH AFE với nội dung: “*Thanh toán lần 1, 30% theo hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm số: 20151113.02/HDPM ký ngày 13/11/2015*” với số tiền: 161.970.186 đồng; hóa đơn số 0000075 ngày 18/12/2015 của Công ty TNHH TTVN xuất cho Công ty TNHH AFE với nội dung: “*Thanh toán lần 1, 30% theo hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm số: 20151113.03/HDPM ký ngày 13/11/2015*” với số tiền: 150.535.644 đồng).

Thực hiện một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án phí KDTM sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho Nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn. Cụ thể như sau: 453.054.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng). Số tiền án phí phải chịu là 22.122.160 đồng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, thời hạn kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 29/8/2018, Bị đơn có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm cụ thể: Theo hợp đồng thì Công ty TTVN thực hiện các yêu cầu mà Công ty AFE gửi qua thư điện tử (Email) cho Công ty TTVN. Công ty TTVN đã thực hiện đúng các yêu cầu của Công ty AFE. Công ty TTVN đã triển khai thực hiện một phần dự án và Công ty AFE đã nghiệm thu về cài đặt phần mềm HRM Pro cụ thể: Hai Biên bản nghiệm thu ký cùng ngày 18/8/2016 và hai Biên bản nghiệm thu ký ngày 08/11/2016. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TTVN thừa nhận có chậm trễ trong việc thực hiện tiến độ dự án nhưng việc chậm trễ là do Công ty AFE đã chậm gửi Email yêu cầu cho Công ty TTVN và chậm phản hồi các Email mà Công ty TTVN gửi cho Công ty AFE. Do vậy dự án bị chậm tiến độ có lỗi của AFE. Ngoài các biên bản nghiệm thu mà Công ty AFE đã ký trên thì Công ty TTVN đã gửi nhiều Email đề nghị nghiệm thu (yêu cầu cuối cùng là ngày 31/5/2017) nhưng Công ty AFE không ký biên bản nghiệm thu. Theo hợp đồng thì Công ty TTVN chỉ phải trả lại tiền đã thanh toán trong trường hợp chậm trễ do lỗi hoàn toàn của Công ty TTVN. Do vậy Công ty TTVN không chấp nhận trả lại tiền thanh toán đã nhận tổng cộng 453.054.000 đồng như quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa lại nội dung này của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Đề nghị giữ y bản án sơ thẩm.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị sửa lại một phần bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trả lại 453.054.000 đồng mà Công ty AFE đã thanh toán đợt 01 cho Công ty TTVN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty AFE về việc buộc Công ty TTVN phải trả lại 453.054.000 đồng mà Công ty AFE đã thanh toán cho Công ty TTVN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định việc khởi kiện của Nguyên đơn là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận G, thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Quận G căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết là có cơ sở.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Xét hình thức và nội dung của ba hợp đồng nêu trên được ký giữa Công ty AFE và Công ty TTVN, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận tham gia ký hợp đồng dịch vụ về việc thực hiện Dự án cung cấp và triển khai phần mềm HRM pro. Hình thức của các hợp đồng phù hợp Điều 74 Luật Thương mại năm 2005 quy định về hình thức hợp đồng dịch vụ. Nội dung dịch vụ mà các bên giao kết thực hiện không vi phạm điều cấm pháp luật không trái đạo đức xã hội. Do vậy, bản án sơ thẩm nhận định cho rằng các hợp đồng nêu trên được giao kết đúng quy định pháp luật nên công nhận các hợp đồng nêu trên và ràng buộc trách nhiệm pháp lý của hai bên là có cơ sở.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty AFE và Công ty TTVN đã thỏa thuận về việc Đình chỉ thực hiện các hợp đồng đã giao kết giữa hai công ty gồm: Hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm: số 20151113.01/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.02/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.03/HDPM ngày 13/11/2015 và các phụ lục đính kèm. Sự thỏa thuận này đã được bản án sơ thẩm quyết định ghi nhận. Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận không kháng cáo, Viện Kiểm Sát nhân dân không kháng nghị nên nội dung quyết định này của bản án sơ thẩm đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2.3] Về trình bày của nguyên đơn cho rằng: Công ty TTVN đã chậm triển khai dự án nên dự án bị chậm tiến độ dẫn đến mục đích của hợp đồng không đạt được. Do vậy Công ty AFE yêu cầu đình chỉ hợp đồng và Công ty TTVN phải trả lại khoản tiền mà Công ty AFE đã thanh toán. Xét: Tại Điều 1.8 của ba hợp đồng dịch vụ mà các bên ký có định nghĩa về yêu cầu và cách thức gửi yêu cầu như sau: “ *Yêu cầu được hiểu là yêu cầu cung cấp thông tin, yêu cầu thực hiện công việc liên quan đến dự án hoặc yêu cầu thanh toán*” và “ *Yêu cầu liên quan đến dự án được thực hiện thông qua Email hoặc văn bản*”. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận các Email yêu cầu và Email phản hồi yêu cầu là cơ sở để thực hiện dự án. Tại khoản a Điều 9.2 của hợp đồng số: 20151113.01/HDPM, số: 20151113.02/HDPM, số: 20151113.03/HDPM ngày 13/11/2015 các bên thỏa thuận: “ *Trong trường hợp AFE đã thực hiện đầy đủ các trách nhiệm và nghĩa vụ nêu ra trong hợp đồng mà việc triển khai trễ quá 30 ngày làm việc và được xác định lỗi hoàn toàn của VnResource, nếu*

sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được công văn nhắc nhở của AFE mà VnResource vẫn không khắc phục được hoặc việc khắc phục không đúng với những thỏa thuận trong hợp đồng thì AFE có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và buộc VnResource phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà AFE đã thanh toán đồng thời cộng thêm tiền phạt vi phạm 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm”. Như vậy, đối chiếu với thỏa thuận tại điều khoản nêu trên của hợp đồng thì Công ty TTVN phải trả lại tiền đã được thanh toán trong trường hợp Công ty TTVN hoàn toàn có lỗi trong việc chậm triển khai dự án. Tuy nhiên Công ty TTVN cho rằng việc chậm tiến độ dự án là do phía Công ty AFE chậm trễ trong việc gửi yêu cầu cho Công ty TTVN và chậm phản hồi những yêu cầu mà Công ty TTVN gửi cho AFE. Phía nguyên đơn cũng thừa nhận Công ty AFE có chậm phản hồi so với quy định về thời hạn phản hồi mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng và Dự án bị chậm tiến độ là do hai bên cùng có lỗi vi phạm thời hạn chuyển giao yêu cầu và phản hồi yêu cầu. Như vậy có đủ cơ sở để xác định việc triển khai dự án bị chậm tiến độ là do lỗi của cả hai bên. Tại bản án sơ thẩm cũng nhận định: *“Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà phía Công ty AFE và Công ty TTVN cung cấp thì đều thể hiện cả hai bên đều có phản hồi chậm trễ trong quá trình thực hiện dự án...”*, nhưng lại buộc Công ty TTVN phải trả lại khoản tiền đã thanh toán là đánh giá không đúng chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ.

Từ phân tích trên, Xét thấy việc Công ty AFE khởi kiện cho rằng Công ty TTVN đã chậm triển khai dự án và thực hiện không đúng tiến độ dự án dẫn đến mục đích hợp đồng không đạt nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc chậm trễ là lỗi hoàn toàn thuộc về Công ty TTVN như thỏa thuận của các bên tại Điều 9 của hợp đồng đã viện dẫn nêu trên nên không có căn cứ để Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TTVN phải trả lại khoản tiền 453.054.000 đồng đã thanh toán từ các hợp đồng trên. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty AFE là không có căn cứ pháp luật. Kháng cáo của Công ty TTVN là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn sửa một phần bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí là 22.122.160 đồng tính trên số tiền yêu cầu tranh chấp là 453.054.000 đồng nhưng không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

[3.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn - **Công ty TNHH TTVN**. Sửa một phần bản án sơ thẩm như sau:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH AFE (Việt Nam) và Công ty TNHH TTVN về việc Đình chỉ thực hiện các hợp đồng đã giao kết giữa hai công ty gồm: Hợp đồng cung cấp và triển khai phần mềm: số 20151113.01/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.02/HDPM ngày 13/11/2015, số 20151113.03/HDPM ngày 13/11/2015 và các phụ lục đính kèm.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH AFE về việc : Buộc Công ty TNHH TTVN phải trả cho Công ty TNHH AFE (Việt Nam) số tiền tổng cộng là 453.054.000 đồng mà Công ty TNHH TTVN đã nhận và xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng cho Công ty TNHH AFE bao gồm:

Hóa đơn số 0000073 ngày 18/12/2015 với số tiền: 140.548.170 đồng;

Hóa đơn số: 0000074 ngày 18/12/2015 với với số tiền: 161.970.186 đồng;

Hóa đơn số 0000075 ngày 18/12/2015 với với số tiền: 150.535.644 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH AFE phải chịu án phí là 22.122.160 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.061.080 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0028927 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, TP. Hồ Chí Minh. Công ty TNHH AFE còn phải nộp thêm số tiền là 11.061.080 đồng.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH TTVN được hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001096 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận G;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thanh Thủy